

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN 30/09/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01- 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
1. Bảng cân đối kế toán	06 - 09
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 11
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
4. Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011.

Báo cáo tài chính Hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các Công ty con sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ticco An Giang	62,05 %

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Lê Vinh Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên
Ông Trần Ngọc Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011)
Ông Hajime Kaburagi	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2011 - bãi nhiệm ngày 24/07/2011)
Ông Lê Phú Cự	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/07/2011)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Đoàn Thành Đạt	Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Ông Phan Văn Nghiệp	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2011 và bãi nhiệm ngày 30/09/2011)
Ông Đào Huy Hòa	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2011)
Ông Lê Văn Hường	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/05/2011)
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)
Ông Lê Quang Tiên	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Hoàng Huân

Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011
và bổ nhiệm lại từ ngày 19/09/2011)

Bà Đào Thị Kiều Trinh

Kế toán trưởng (Bãi nhiệm từ ngày 30/06/2011)

Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2011)

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 32 (đính kèm).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần

326.054.806.306 đồng

Lợi nhuận trước thuế theo sổ kế toán

15.694.384.316 đồng

3. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ❖ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ❖ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- ❖ Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.
- ❖ Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất đã được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/09/2011 cho Công ty.

5. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch

ĐOÀN THÀNH ĐẠT

Ngày tháng năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất đã soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/09/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày được lập vào ngày 25/10/2011 từ trang 06 đến trang 32 đính kèm.

Như đã trình bày trong báo cáo của Hội đồng Quản trị từ trang 01 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán

Tuy nhiên, cơ sở đảm bảo của Chúng tôi bị ảnh hưởng bởi các vấn đề sau:

1. Như đã nêu tại **mục 4.3** Thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị quyền sử dụng 5.666,10 m² đất còn lại tại KDC Mỹ Thạnh Hưng theo sổ kế toán là **179.919.325 đồng** tuy nhiên giá trị đầu tư thực tế là **4.635.553.460 đồng** (818.121 đồng/m²). Sự khác biệt này là do phần lớn chi phí để có được quyền sử dụng đất đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm 2006. Điều này dẫn đến việc ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất trên sổ sách chưa hợp lý và làm ảnh hưởng đến lợi nhuận lũy kế tại ngày 30/09/2010.
2. Đến thời điểm phát hành báo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được xác nhận công nợ đối với khoản nợ phải trả Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp tại ngày 30/09/2011 với số **4.251.265.027 đồng**. Đồng thời chúng tôi vẫn thu thập được bằng chứng khác về tính hợp lý về số dư và nghĩa vụ có liên quan đến khoản nợ phải trả trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THỊ NGỌC NGÀ
Chứng chỉ KTV số: 0351/ KTV

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NHÂN BÀO
Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		288.843.847.531	266.903.087.289
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.924.785.761	34.918.129.457
1. Tiền	111		10.924.785.761	14.704.814.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.213.314.981
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	95.808.470.603	131.921.302.650
1. Phải thu khách hàng	131		86.859.980.423	123.503.665.984
2. Trả trước cho người bán	132		3.469.150.269	8.272.423.713
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		8.491.792.180	2.354.562.696
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.012.452.269)	(2.209.349.743)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	172.418.602.944	93.975.786.382
1. Hàng tồn kho	141		172.418.602.944	93.975.786.382
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	9.691.988.223	6.087.868.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.236.153.694	607.700.473
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.273.255.533	1.677.544.096
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		363.756.676	94.381.535
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.818.822.320	3.708.242.696

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.271.312.940	147.474.317.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		131.727.987.061	138.929.329.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	115.152.891.585	119.794.870.109
- Nguyên giá	222		193.702.811.100	186.641.141.649
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.549.919.515)	(66.846.271.540)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.6	13.403.322.557	15.843.402.062
- Nguyên giá	225		28.518.123.713	28.518.123.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.114.801.156)	(12.674.721.651)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.220.207.274	2.335.416.851
- Nguyên giá	228		2.399.422.172	2.399.422.172
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(179.214.898)	(64.005.321)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	951.565.645	955.640.500
III. Bất động sản đầu tư	240		802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		260.000.000	260.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.9	260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.10	8.481.217.879	7.482.880.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.967.753.161	1.160.587.089
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		6.513.464.718	6.322.293.331
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		430.115.160.471	414.377.405.231

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		271.407.904.971	269.432.679.875
I.	Nợ ngắn hạn	310		191.861.482.655	190.313.102.981
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	40.994.738.490	45.373.827.108
2.	Phải trả người bán	312	4.11	40.449.175.687	43.855.717.884
3.	Người mua trả tiền trước	313	4.11	34.718.481.285	16.300.017.860
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	5.670.127.729	11.716.599.654
5.	Phải trả người lao động	315	4.11	2.986.650.127	6.784.117.597
6.	Chi phí phải trả	316	4.11	27.344.174.648	27.900.059.580
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	30.954.528.026	23.738.025.744
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.11	2.609.641.245	2.348.003.176
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	6.133.965.418	12.296.734.378
II.	Nợ dài hạn	330		79.546.422.316	79.119.576.894
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	4.12	79.526.726.274	78.712.527.090
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		19.696.042	407.049.804
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.769.187.844	137.274.874.232
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.14	149.769.187.844	137.274.874.232
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		32.089.939.496	32.018.718.930
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.427.141.060	5.391.530.776
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.552.107.288	9.164.624.526
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.15	8.938.067.656	7.669.851.124
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		430.115.160.471	414.377.405.231

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 25 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Đào Huy Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	86.070.511.630	327.372.521.804	267.929.947.655
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	-	1.317.715.498	109.444.875
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	86.070.511.630	326.054.806.306	267.820.502.780
4.	Giá vốn hàng bán	11		64.305.485.808	255.760.909.056	204.221.155.756
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.765.025.822	70.293.897.250	63.599.347.024
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.2	118.247.891	1.597.035.580	4.818.096.324
7.	Chi phí tài chính	22	5.3	4.107.339.226	11.879.087.453	9.125.425.649
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.107.339.226	11.878.754.536	9.125.127.672
8.	Chi phí bán hàng	24	5.4	9.094.503.510	27.085.056.934	9.621.585.245
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	4.538.875.249	18.627.581.098	16.192.390.775
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.142.555.728	14.299.207.345	33.478.041.679
11.	Thu nhập khác	31	5.6	29.258.217	3.111.536.513	1.008.955.398
12.	Chi phí khác	32	5.7	640.584.546	1.897.148.549	1.541.620.620
13.	Lợi nhuận khác	40		(611.326.329)	1.214.387.964	(532.665.222)
14.	Lợi nhuận trong Công ty liên kết, liên doanh	45		33.280.000	180.789.007	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.564.509.399	15.694.384.316	32.945.376.457
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.069.745.280	3.215.682.362	8.675.837.494,00
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(346.248.826)	(175.164.850)	(276.211.908)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.841.012.945	12.653.866.804	24.545.750.871
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		118.489.274	1.106.462.227	589.680.482
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.722.523.671	11.547.404.577	23.956.070.389
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60	4.16	355	1.582	3.068

Ngày 25 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Hoàng Sơn



Đào Huy Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.564.509.399	15.694.384.316	22.727.236.116
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.014.815.172	14.819.712.044	9.221.666.694
- Các khoản dự phòng	03	78.953.105	1.490.688.227	(237.858.077)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	755.990.487	(860.781.803)	(3.606.515.021)
- Chi phí lãi vay	06	4.107.339.226	11.878.754.536	5.537.295.923
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.521.607.389	43.022.757.320	33.641.825.635
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.917.950.909)	(2.414.573.129)	25.089.548.770
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(22.681.127.557)	(83.777.115.746)	(39.856.653.889)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	48.134.050.854	70.267.374.004	(2.760.303.163)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(249.971.743)	(1.427.751.622)	(577.317.471)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.615.654.721)	(11.146.238.849)	(5.537.295.923)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(302.958.118)	(5.105.967.582)	(435.744.859)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	73.080.792	1.247.010.258	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(332.925.362)	(1.532.292.922)	(3.830.140.117)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.628.150.625	9.133.201.732	5.733.918.983
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.176.837.909)	(8.304.441.271)	(22.179.667.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.123.827.455	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	4.514.754.305

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	1.003.440.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(692.640.847)	180.789.007	3.609.843.594
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(3.869.478.756)	(5.999.824.809)	(13.051.629.193)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.829.505.523	170.718.616.034	101.503.777.438
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(46.940.336.000)	(172.830.705.468)	(91.991.464.238)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(481.400.000)	(1.452.800.000)	(1.914.130.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.485.935.785)	(23.561.831.185)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(20.078.166.262)	(27.126.720.619)	7.598.183.200
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(319.494.393)	(23.993.343.696)	280.472.990
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	11.244.280.154	34.918.129.457	53.438.288.657
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	116.213.801
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	10.924.785.761	10.924.785.761	53.834.975.448

Ngày 25 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc



Đào Huy Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, tên viết tắt là TICCO, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 28/09/2010.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng tương đương 8.000.000 cổ phần

Trụ sở đặt tại số 90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị hạch toán phụ thuộc là:

- Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, trụ sở đặt tại 90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng Ticco, trụ sở đặt tại 90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Sàn giao dịch Bất động sản Ticco, trụ sở đặt tại 166 Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Danh sách các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Quyền biểu quyết (%)</i>
Công ty TNHH MTV Bê Tông Ticco	Lô số 1; 2; 3; 4; 5; 6, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Ticco	90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20.000.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Ticco An	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	12.410.245.695	62,05%	62,05%

1.3 Công ty liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Testco	Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.4 Ngành nghề hoạt động

Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; Thi công xây dựng các công trình dân dụng; Thi công xây dựng các công trình công nghiệp; Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới xà lan; Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi; Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh cát san lấp; Khai thác vận tải; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông; Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; Tư vấn đấu thầu, giám sát; Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đấu giá bất động sản; Quản lý bất động sản; Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite; Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; Thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh (doanh nghiệp tuân thủ theo qui định của pháp luật về khoáng sản trong quá trình hoạt động).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán: chứng từ ghi sổ.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 30/09/2011.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 06

3.6 Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao như sau:

<i>Quyền sử dụng (QSD) đất</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
QSD 600 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 1.429,90 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	440 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 3 năm 2047)
QSD 8.436,20 m ² đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	39 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 10 năm 2013)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung – Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và bất lợi thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Bất lợi thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày mua theo Quyết định chấp thuận của Hội đồng Quản trị Công ty, và được kết chuyển một lần vào kết quả hoạt động trong năm phát sinh.

3.10 Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phân loại các khoản đầu tư

Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con;

Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết;

Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

3.11 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước có thời hạn trong 12 tháng hoặc chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ có giá trị lớn đã xuất dùng trong năm tài chính, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.12 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.13 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.14 Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và được khách hàng xác nhận cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.16 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính bình quân của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư Long Thạnh Hưng, trong đó:

Tổng giá trị đầu tư bình quân của công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng được ước tính dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính của dự án đến thời điểm 30/09/2011 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/09/2011 là 88.873.889.478 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²;

Giá vốn 1 m² đất chuyển nhượng = $\frac{107.754.098.914 \text{ đồng}}{124.492 \text{ m}^2} = 866.000 \text{ đồng/m}^2$

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong 9 tháng đầu năm 2011 là 3.205,50 m².

3.17 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%.

Ngoài ra Công ty được hưởng các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong những năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Ticco, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ hai Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Một thành viên Bê tông Ticco được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn. Năm 2010 là năm thứ ba Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm. Tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2011	01/01/2011
Tiền mặt tại quỹ	1.180.914.974	3.023.445.200
Tiền gửi ngân hàng	9.343.870.787	11.681.369.276
Tiền đang chuyển	400.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	20.213.314.981
Cộng	10.924.785.761	34.918.129.457

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/09/2011	01/01/2011
Phải thu khách hàng	86.859.980.423	123.503.665.984
Trả trước cho người bán	3.469.150.269	8.272.423.713
Các khoản phải thu khác	8.491.792.180	2.354.562.696
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.012.452.269)	(*) (2.209.349.743)
Cộng	95.808.470.603	131.921.302.650

(*) Chủ yếu dự phòng các khoản phải thu khó đòi sau:

Công ty CPĐT & XD 40	368.611.375
Công ty CP XDGT Thủy Lợi Kiên Giang	925.883.360
DNTN Đặng Tài	140.239.999
Công ty TNHH Nam Trường Sanh	309.122.160
Công ty CP Gò Công Tây	105.103.769
Công ty CP Công Trình Giao Thông Tiền Giang	92.143.416
Công ty TNHH Trương Minh Phát	242.130.000
Công ty TNHH MTV ĐT PT CN & Vận Tải TRACODI	248.371.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.3 Hàng tồn kho

	30/09/2011	01/01/2011
Nguyên vật liệu	8.569.882.969	12.504.444.462
Công cụ dụng cụ	3.561.025.812	3.765.592.130
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	147.689.333.310 (a)	68.808.733.530
Thành phẩm	12.164.669.326 (b)	8.103.770.226
Hàng hóa	433.691.527	793.246.034
Cộng	172.418.602.944	93.975.786.382

(a) Là giá trị của các công trình xây dựng đang dở dang, chủ yếu:

Công trình khu dân cư đường Trương Định nối dài	70.439.450.333
Công trình khu dân cư Long Thạnh Hưng	32.697.629.754
Công trình kênh Phước Hòa	781.060.947
Công trình hồ chứa nước Củ Chi	3.834.738.218
Gia công, sửa chữa của Xí nghiệp Cơ Khí	3.363.509.779
Công trình Cống Bình Lợi	1.429.085.129
Công trình cống Vàm Răng	4.333.509.476
Công trình Khu nhà vườn huyện Tân Phước	2.515.153.000
Công trình đê Long Hữu	1.776.444.352
Công trình ụ né bão Vàm Láng	2.802.117.466
Công trình biệt thự mẫu khu dân cư Long Thạnh Hưng	1.454.246.476

(b) Thành phẩm bao gồm

Bó via, hồ ga	242.336.485
Cống hộp	109.215.439
Cọc ống	7.247.809.866
Cọc vuông	1.374.568.104
Gối cống	678.818.275
Ống cống các loại	2.511.921.157

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2011	01/01/2011
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.236.153.694	607.700.473
Thuế GTGT được khấu trừ	4.273.255.533	1.677.544.096
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	363.756.676	94.381.535

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tạm ứng	3.687.240.950	3.461.856.664
Ký quỹ ngắn hạn	131.581.370	246.386.032
Cộng	9.691.988.223	6.087.868.800

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	26.908.506.850	118.958.288.441	39.933.724.058	840.622.300	186.641.141.649
Tăng trong kỳ	2.777.015.218	3.935.358.981	1.128.821.093	527.101.837	8.368.297.129
- Mua sắm	-	3.935.358.981	1.128.821.093	527.101.837	5.591.281.911
- XDCB	2.777.015.218	-	-	-	2.777.015.218
Giảm trong kỳ	-	1.230.347.633	76.280.045	-	1.306.627.678
Số dư cuối kỳ	29.685.522.068	121.663.299.789	40.986.265.106	1.367.724.137	193.702.811.100
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.714.639.141	47.083.695.927	15.567.231.898	480.704.574	66.846.271.540
Tăng trong kỳ	1.026.905.170	11.042.840.535	2.529.995.864	100.929.398	14.700.670.967
Giảm trong kỳ	-	2.111.213.713	885.809.279	-	2.997.022.992
Số dư cuối kỳ	4.741.544.311	56.015.322.749	17.211.418.483	581.633.972	78.549.919.515
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	23.193.867.709	71.874.592.514	24.366.492.160	359.917.726	119.794.870.109
Số dư cuối kỳ	24.943.977.757	65.647.977.040	23.774.846.623	786.090.165	115.152.891.585

Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 2.183.009.904

- Nguyên giá TSCĐ cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là 153.944.085.403

4.6 Tài sản cố định thuê tài chính (Máy móc thiết bị - dây chuyền sản xuất ống cống)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	28.518.123.713	-	-	28.518.123.713
Hao mòn lũy kế	12.674.721.651	2.440.079.505		15.114.801.156
Giá trị còn lại	15.843.402.062			13.403.322.557

4.7 Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

Khoản mục	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	2.399.422.172	-	-	2.399.422.172
Hao mòn lũy kế	64.005.321	115.209.577		179.214.898
Giá trị còn lại	2.335.416.851			2.220.207.274

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2011	01/01/2011
Sửa chữa lớn tài sản cố định	19.587.969	102.354.591
Chi phí đầu tư mua sắm tài sản cố định	931.977.676	853.285.909
Cộng	951.565.645	955.640.500

4.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2011	01/01/2011
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	260.000.000	260.000.000
Cộng	260.000.000	260.000.000

Vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco, với tỷ lệ sở hữu 20%.

4.10 Tài sản dài hạn khác

	30/09/2011		01/01/2011
Chi phí trả trước dài hạn	1.967.753.161	(a)	1.160.587.089
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.513.464.718	(b)	6.322.293.331
Cộng	8.481.217.879		7.482.880.420

(a) Là giá trị công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản còn chờ phân bổ.

(b) Chi tiết như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số dư đầu kỳ	6.322.293.331	6.643.071.208
Tài sản thuế hoãn lại phát sinh khi hợp nhất từ các công trình chưa hoàn thành	1.480.364.613	(81.958.399)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	259.951.983	2.121.631.312
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.549.145.209)	(2.360.450.790)
Số dư cuối kỳ	6.513.464.718	6.322.293.331

4.11 Nợ ngắn hạn

	30/09/2011		01/01/2011
Phải trả người bán	40.449.175.687		43.855.717.884
Người mua trả tiền trước	34.718.481.285		16.300.017.860
Phải trả người lao động	2.986.650.127		6.784.117.597
Chi phí phải trả	27.344.174.648	(a)	27.900.059.580
Phải trả, phải nộp khác	30.954.528.026	(b)	23.738.025.744

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.609.641.245	(c)	2.348.003.176
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.133.965.418	(d)	12.296.734.378
Cộng	145.196.616.436		133.222.676.219

(a) Chủ yếu khoản trích trước giá vốn hàng bán theo dự toán thi công cho dự án Khu Dân Cư Long Thạnh Hưng

(b) Các khoản phải trả khác chủ yếu bao gồm:

	30/09/2011	01/01/2011
BHXX, BHYT, BHTN và KPCĐ	277.673.422	-
Phải trả về cổ phần hóa	7.000.000.000	10.781.795.988
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp	4.251.265.027	4.287.772.554
Nhận trước tiền mua đất tại KDC Đường Trương Định của các cá nhân	18.159.797.130	-
Cổ tức năm 2010 chưa chi	-	6.750.000.000
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	704.408.129
Tạm trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty năm 2010		785.859.597
Khác	710.871.264	-

(c) Là khoản trích dự phòng bảo hành công trình.

(d) Quỹ khen thưởng phúc lợi được phản ánh như sau:

	30/09/2011	01/01/2011
Số dư đầu kỳ	12.282.803.889	6.329.207.543
Tăng trong kỳ	146.000.000	8.574.362.363
Giảm trong kỳ	(6.294.838.471)	(2.566.857.055)
Số dư cuối kỳ	6.133.965.418	12.296.734.378

4.12 Các khoản nợ vay

	30/09/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	40.994.738.490	(a) 45.373.827.108
Vay dài hạn	75.979.526.274	(b) 73.712.527.090
Nợ dài hạn	3.547.200.000	(c) 5.000.000.000
Cộng	120.521.464.764	124.086.354.198

(a) Vay ngắn hạn

Mục đích : bổ sung vốn lưu động thi công công trình, gia công sửa chữa thiết bị.

Lãi suất : theo lãi suất thực tế trên từng khế ước cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết số dư nợ vay như sau:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	35.994.738.490
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh An Giang	5.000.000.000
Khoản vay ngắn hạn này được thế chấp bằng tài sản của Công ty.	

(b) Vay dài hạn

Mục đích vay : bổ sung vốn thi công các dự án

Thời hạn vay : từ 21 tháng đến 84 tháng,

Lãi suất vay: theo lãi suất thực tế từng thời điểm tính lãi.

Chi tiết như sau:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tiền Giang	30.360.891.274
Ngân hàng Phát triển Nhà ĐBSCL	28.800.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Tiền Giang	1.568.635.000
Quỹ Đầu tư & Phát triển Tiền Giang	15.250.000.000

Khoản vay dài hạn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(c) Nợ dài hạn

Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính không hủy ngang số 050/2007/HĐTTC ngày 08/03/2007 và Phụ lục hợp đồng cho thuê tài chính số 050/2007/PL-HĐCTTC ngày 27/07/2008 về thuê phương tiện vận tải.

4.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/09/2011	01/01/2011
Thuế GTGT phải nộp	416.369.732	5.056.599.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.450.820.135	6.368.597.110
Thuế thu nhập cá nhân	422.567.101	95.761.808
Thuế tài nguyên	16.363.632	9.600.000
Thuế, phí khác	364.007.129	186.041.291
Cộng	5.670.127.729	11.716.599.654

4.14 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Đến thời điểm 30/09/2011, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo giấy phép kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000)

	30/09/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	300.000.000	16.291.222.713	3.440.479.448	5.463.971.744	95.495.673.905
Tăng trong năm trước	10.000.000.000	10.400.000.000	15.727.496.217	1.951.051.328	3.700.652.782	41.779.200.327
Giảm trong năm trước	-	-				-
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	32.018.718.930	5.391.530.776	9.164.624.526	137.274.874.232
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	32.018.718.930	5.391.530.776	9.164.624.526	137.274.874.232
Tăng trong kỳ, trong đó:	-	-	71.220.566	35.610.284	14.695.632.562	14.802.463.412
Tăng trong kỳ	-	-	71.220.566	35.610.284	11.547.404.577	11.654.235.427
Điều chỉnh tăng LN từ các quỹ do thay đổi tỷ lệ trích	-	-	-	-	3.148.227.985	3.148.227.985
Giảm trong kỳ					(2.308.149.800)	(2.308.149.800)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.050.000.000)	(2.050.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(210.130.191)	(210.130.191)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	(48.019.609)	(48.019.609)
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	10.700.000.000	32.089.939.496	5.427.141.060	21.552.107.288	149.769.187.844

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.15 Lợi ích của cổ đông thiểu số

	30/09/2011	01/01/2011
Vốn điều lệ đã góp	7.589.754.305	7.025.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	199.970.051	144.774.824
Quỹ dự phòng tài chính	60.450.241	35.794.414
Lợi nhuận chưa phân phối	1.490.893.059	464.281.886
Chia cổ tức	(403.000.000)	-
Cộng	8.938.067.656	7.669.851.124

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.653.866.804	24.545.750.871
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.582	3.068

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	327.372.521.804	267.929.947.655
Giảm giá hàng bán	1.317.715.498	109.444.875
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.054.806.306	267.820.502.780

5.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	1.512.359.546	4.479.488.751
Lãi nhượng bán cổ phần	-	178.945.500
Lãi cho vay	84.676.034	80.520.088
Cổ tức	-	51.808.985
Doanh thu khác	-	27.333.000
Cộng	1.597.035.580	4.818.096.324

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.3 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Chi phí lãi vay	11.878.754.536	9.125.127.672
Khác	332.917	297.977
Cộng	11.879.087.453	9.125.127.672

5.4 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Chi phí nhân viên bán hàng	3.725.336.735	2.215.639.693
Chi phí dụng cụ bán hàng	37.094.101	85.650.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.144.940.135	106.065.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.467.897.906	3.410.010.184
Chi phí bằng tiền khác	14.709.788.057	3.804.219.382
Cộng	27.085.056.934	9.621.585.245

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Chi phí lương nhân viên	10.720.171.365	7.931.165.031
Chi phí vật liệu quản lý	894.087.477	917.943.247
Chi phí đồ dùng văn phòng	633.837.775	529.837.980
Chi phí khấu hao	677.871.801	424.904.518
Thuế, phí và lệ phí	431.162.247	1.254.626.895
Chi phí dự phòng	853.124.026	(596.614.425)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	686.922.055	689.781.471
Chi phí bằng tiền khác	3.730.404.352	5.040.746.058
Cộng	18.627.581.098	16.192.390.775

5.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.123.827.455	
Nhượng bán công cụ dụng cụ	1.818.182	37.190.455
Xử lý công nợ	806.944.358	
Thu bồi thường, phạt vi phạm		958.487.763

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/09/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảo hành công trình	85.499.822	
Thu nhập khác	93.446.696	13.277.180
Cộng	3.111.536.513	1.008.955.398
5.7 Chi phí khác		
	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010
Chi phí thanh lý tài sản cố định	748.461.106	3.328.573
Phạt vi phạm	112.671.898	395.899.373
Xử lý giá trị vật tư thiếu so với kiểm kê	30.305.472	
Chi phí khấu hao tài sản cố định trong giai đoạn ngưng hoạt động	839.935.420	67.977.186
Chi phí bồi thường sạt lở kè Hiệp Thạnh	-	953.197.063
Chi phí khác	165.774.653	121.218.425
Cộng	1.897.148.549	1.541.620.620

Ngày 25 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Sơn

Tổng Giám đốc




Đào Huy Hòa